

GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY THU HÚT ĐẦU TƯ FDI VÀO TỈNH BÌNH DƯƠNG

TS. Võ Thị Vân Khánh*

Bình Dương là tỉnh nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, với lợi thế nằm trên các trục lộ giao thông quan trọng của quốc gia và là đầu mối giao lưu giữa các tỉnh Tây Nguyên, miền Trung với thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm kinh tế lớn của cả nước; có địa hình và nền đất cứng thích hợp cho việc xây dựng các hạ tầng kinh tế kỹ thuật như khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, đường giao thông... thuận lợi cho việc thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, hiện nay Bình Dương đang trong giai đoạn tăng trưởng nhanh nhưng chưa thật bền vững, giá trị gia tăng các ngành kinh tế chủ lực như công nghiệp, dịch vụ chưa cao, còn phụ thuộc nhiều vào các lợi thế so sánh mà trong thời gian tới sẽ không còn như giá nhân công rẻ, tài nguyên thiên nhiên phong phú,...; đời sống văn hóa, xã hội của người dân còn chậm được nâng cao. Để cải thiện các tồn tại, hạn chế kể trên, cũng như để nước ta thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình, cần có những giải pháp nhằm nâng cao giá trị tăng trưởng mà một trong số đó là thông qua việc chọn lọc trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI. Trong nghiên cứu này, tác giả sẽ đi vào tìm hiểu, phân tích thực trạng đầu tư FDI vào tỉnh Bình Dương và đưa ra một số khuyến nghị giải pháp trong thời gian tới.

• Từ khóa: đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư, cán cân thanh toán, nguồn nhân lực chất lượng cao...

Binh Duong is a province located in the Southern Key Economic Zone with the advantage of being located on important national roads and is a focal point for exchanges between the Central Highlands and Central provinces and Ho Chi Minh City major economic center of the country; having terrain and hard ground suitable for the construction of economic and technical infrastructure such as industrial parks, clusters, urban areas, roads, etc., which are convenient for attracting investment and economic development. - society. However, at present, Binh Duong is in a period of rapid but not very sustainable growth, the added value of key economic sectors such as industry and services is not high, and it depends a lot on the comparative advantages that the economy has to offer. In the future, there will be no such thing as cheap labor, abundant natural resources, etc.; The cultural and social life of the people has been slowly improved. In order to improve the above shortcomings and limitations as well as to get our country out of the middle-income trap, it is necessary to have solutions to increase the value of growth, one of which is through being selective in attracting capital. foreign direct investment (FDI). In this study, the author will study and analyze the current situation of FDI investment in Binh Duong province and give some recommendations for solutions in the coming time.

• Keywords: foreign direct investment, investors, balance of payments, high quality human resources....

Ngày nhận bài: 02/11/2022

Ngày gửi phản biện: 10/11/2022

Ngày nhận kết quả phản biện: 25/01/2023

Ngày chấp nhận đăng: 30/01/2023

1. Khái niệm và vai trò của FDI

Khái niệm: Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF): “Đầu tư trực tiếp nước ngoài là hoạt động đầu tư được thực hiện nhằm thiết lập các mối quan hệ kinh tế lâu dài với một doanh nghiệp hoạt động trên lãnh thổ của một nền kinh tế khác nền kinh tế nước chủ đầu tư, mục đích của chủ đầu tư là giành quyền quản lý thực sự doanh nghiệp”. Hội nghị Liên Hợp quốc về thương mại và phát triển UNCTAD cũng đưa ra một khái niệm về FDI. Theo đó, nguồn vốn FDI bao gồm vốn được cung cấp (trực tiếp hoặc thông qua các công ty liên quan khác) bởi nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài nhận được từ doanh nghiệp FDI. FDI bao gồm: vốn cổ phần, thu nhập tái đầu tư và các khoản vay trong nội bộ công ty.

Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 1996 đưa ra khái niệm: “Đầu tư trực tiếp nước ngoài” là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền hoặc bất kỳ tài sản nào để tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của Luật này. Đến Luật Đầu tư năm 2014 thì không còn đề cập đến khái niệm “Đầu tư trực tiếp nước ngoài”, tuy nhiên có thể ngầm hiểu thông qua khái niệm “Nhà đầu tư

* Học viện Tài chính; email: vankhanhhvtc@gmail.com

nước ngoài” là cá nhân có quốc tịch nước ngoài, tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam. Như vậy, từ những khái niệm nêu trên có thể hiểu một cách khái quát về đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI tại một quốc gia là hoạt động của nhà đầu tư ở một nước khác đưa vốn bằng tiền hoặc bất kỳ tài sản nào vào quốc gia sở tại để có được quyền sở hữu và quản lý hoặc kiểm soát một thực thể kinh tế tại quốc gia đó, với mục tiêu là tối đa hóa lợi nhuận của mình.

Vai trò: Nguồn vốn FDI có vai trò to lớn cho việc bổ sung nguồn vốn cho nhu cầu phát triển kinh tế của đất nước; giúp thúc đẩy hoạt động thương mại quốc tế và cải thiện cán cân thanh toán; là yếu tố góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; FDI giúp thúc đẩy chuyển giao công nghệ và học tập kinh nghiệm quản lý kinh doanh của các công ty đa quốc gia; đặc biệt góp phần giải quyết việc làm và nâng cao trình độ của người lao động.

2. Thực trạng thu hút đầu tư FDI tại Bình Dương

Những kết quả khả quan: Từ năm 1988 đến cuối năm 2019, Bình Dương có 3.753 dự án có vốn đầu tư nước ngoài đến từ 65 quốc gia và vùng lãnh thổ với tổng số vốn đăng ký là 34,23 tỷ đô la Mỹ, đứng thứ 3 cả nước sau Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Đứng đầu về số vốn đăng ký là Nhật Bản với 313 dự án với 5.610 triệu USD, kế đến là Đài Loan có 838 dự án với 5.418 triệu USD, thứ ba là Singapore với 241 dự án với tổng số vốn là 4.144 triệu USD, tiếp đến là Samoa, Hàn Quốc, British Virgin Islands, Seychelles, Hoa Kỳ, Malaysia...

Sở dĩ Bình Dương được lựa chọn là điểm đến của nhiều nhà đầu tư FDI là nhờ chính quyền tỉnh đã tận dụng triệt để các thế mạnh như đã phân tích ở phần trên để làm đòn bẩy, thu hút ngày càng nhiều nhà đầu tư từ nhiều quốc gia có nền kinh tế phát triển đến tìm kiếm cơ hội đầu tư. Nhiều doanh nghiệp cho biết họ tin tưởng vào môi trường đầu tư của Bình Dương, từ thủ tục hành chính đến cơ sở hạ tầng, nhất là các khu, cụm công nghiệp được đầu tư xây dựng bài bản, hiện đại đã tạo thuận lợi cho họ đầu tư hiệu quả.

Tác động của thu hút FDI đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Chặng đường 30 năm thu hút FDI, nước ta đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Trong giai đoạn đầu, FDI đóng vai trò như một “cú hích” tạo sự đột phá, vừa bổ sung nguồn lực quan trọng cho đầu tư

phát triển, vừa khơi dậy các nguồn lực trong nước, để khai thác, tận dụng các tiềm năng, lợi thế, đưa đất nước vượt qua giai đoạn khó khăn, khủng hoảng. Chỉ 10 năm sau Đổi mới, với sự hỗ trợ của nguồn lực FDI, tăng trưởng GDP bình quân hằng năm đã đạt 8,2%, tạo nền tảng để kinh tế - xã hội tiếp tục tăng trưởng và phát triển cho giai đoạn tiếp theo.

Có thể nói, FDI là nguồn lực quan trọng đóng góp lớn vào tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội và đã trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Tỷ trọng FDI trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội đã tăng dần, từ 15% năm 2005 lên 23,7% năm 2017, riêng năm 2008 tỷ trọng này lên tới 30,8%.

Thứ hai, đóng góp của khu vực FDI vào tăng trưởng kinh tế cũng ngày càng cao, nếu giai đoạn 1986 - 1996, khu vực FDI chỉ đóng góp 15,04% thì đến giai đoạn 2010 - 2017 đã đóng góp đến 27,7%. Khu vực FDI cũng đã đóng góp đáng kể vào nguồn thu ngân sách, với giá trị nộp ngân sách tăng từ 1,8 tỷ đô la Mỹ (giai đoạn 1994 - 2000) lên 14,2 tỷ đô la Mỹ (giai đoạn 2001 - 2010). Giai đoạn 2011 - 2015, thu ngân sách từ khu vực FDI đạt 23,7 tỷ đô la Mỹ, chiếm gần 14% tổng thu ngân sách; năm 2017, khu vực FDI đã đóng góp vào thu ngân sách gần 8 tỷ đô la Mỹ, chiếm 14,46% tổng thu ngân sách nhà nước. FDI cũng đã đóng góp quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Hiện nay, 58,2% vốn FDI tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, tạo ra trên 50% giá trị sản xuất công nghiệp, góp phần hình thành một số ngành công nghiệp chủ lực của nền kinh tế như viễn thông, dầu khí, điện tử, công nghệ thông tin..., tạo nền tảng quan trọng cho tăng trưởng dài hạn, cũng như thúc đẩy quá trình hiện đại hóa - công nghiệp hóa đất nước. FDI cũng đã tác động đến thay đổi cơ cấu kinh tế và thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở một số địa phương; góp phần chuyển đổi không gian phát triển, hình thành các khu đô thị mới, các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, làm thay đổi bộ mặt đất nước, cũng như góp phần cải thiện hệ thống cảng biển của Việt Nam, đưa Việt Nam trở thành một mắt xích trong chuỗi cung ứng toàn cầu của các tập đoàn hàng hải, khai thác cảng biển hàng đầu thế giới.

Sau 30 năm đổi mới, khu vực FDI đã trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế Việt Nam nói chung và Bình Dương nói riêng, đóng góp tích cực và ấn tượng trên nhiều mặt trong tiến trình hội nhập và phát triển kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ phát triển của tỉnh Bình Dương. Đến cuối năm 2019, Bình Dương đã tiếp nhận 34,23 tỷ đô la

Mỹ vốn đầu tư nước ngoài đăng ký với hơn 3.753 dự án còn hoạt động, đứng thứ 3 cả nước. Trong đó, có hơn 3.000 dự án có tổng vốn đăng ký hơn 22,5 tỷ đô la Mỹ hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đã góp phần đưa Bình Dương từ một tỉnh có nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp trở thành địa phương có tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa cao trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Những năm qua, FDI đã và đang là nguồn vốn bổ sung quan trọng đáp ứng nhu cầu đầu tư thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giải quyết an sinh xã hội tại Bình Dương. Trong những năm bắt đầu thời kỳ đổi mới, nguồn vốn đầu tư trong nước còn hạn chế, Luật Đầu tư nước ngoài được ban hành đã kịp thời bổ sung nguồn vốn quan trọng cho đầu tư phát triển của địa phương. Những năm gần đây, vốn đầu tư nước ngoài luôn chiếm từ 47% đến 50% cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, chứng tỏ FDI đã trở thành một trong những nguồn lực góp phần quan trọng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh. Năm 1997, tỉnh Bình Dương có cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ và nông nghiệp với tỷ lệ tương ứng là 50,45% - 26,8% - 22,8%. Tuy giá trị công nghiệp chiếm 50,45% nhưng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh chỉ khoảng 4.000 tỷ đồng. Kim ngạch xuất khẩu đạt 363 triệu đô la Mỹ, chủ yếu trong các ngành công nghiệp nhẹ và thủ công mỹ nghệ, thu hút đầu tư trong và ngoài nước còn khiêm tốn, tỷ lệ đô thị hóa chỉ khoảng 24%. Đến nay, tỉnh Bình Dương đã phát triển vượt bậc với những chỉ tiêu kinh tế cao gấp hàng chục lần so với ngày tái lập. Cụ thể đến cuối năm 2010, GRDP bình quân đầu người đạt 62,3 triệu đồng, cuối năm 2015 đạt 101,2 triệu đồng/người/năm và đến cuối năm 2020, ước đạt 155,7 triệu đồng/người/năm.

Với gần 72% tổng vốn đầu tư nước ngoài thuộc lĩnh vực công nghiệp chế tạo, các doanh nghiệp FDI hiện đang đóng góp trên 67% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh, góp phần nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Nếu như năm 2000, giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh chỉ đạt 14.557 tỷ đồng thì đến năm 2005 đã là 89.248 tỷ đồng, 2010 đạt 280.103 tỷ đồng, 2015 đạt 686.130 tỷ đồng, đến năm 2020 con số này đã là 1.235.034 tỷ đồng, gấp 85 lần so với năm 2000; cho thấy tác động của nguồn vốn FDI cực kỳ mạnh mẽ trong thúc đẩy sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tính riêng năm 2017, chỉ số sản xuất công nghiệp tỉnh tăng 10,9% so với cùng kỳ, trong đó một số ngành khu vực FDI có giá trị sản xuất công

nghiệp chiếm chủ yếu như sản xuất thức ăn gia súc (chiếm 75,5%), thức ăn thủy sản (chiếm 86,1%), may mặc, quần áo (chiếm 86,6%), sản xuất thùng carton (chiếm 70,4%). Vốn FDI còn góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh đúng định hướng với công nghiệp và dịch vụ đóng vai trò chủ đạo. Năm 2019, cơ cấu kinh tế tỉnh Bình Dương có tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp - Thuê sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm có tỷ lệ tương ứng là 66,77% - 22,38% - 2,62% - 8,18%.

Những tồn tại, hạn chế: Bên cạnh những thành quả nêu trên, Bình Dương cũng tồn tại những hạn chế trong sử dụng vốn đầu tư nước ngoài như:

- Thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho các ngành kinh tế mũi nhọn.

- Việc phát triển công nghiệp nhanh chóng làm phát sinh nhiều vấn đề xã hội và ô nhiễm môi trường.

- Công nghiệp của tỉnh đã có sự phát triển mạnh nhưng vẫn mang tính chất của nền công nghiệp gia công, hàm lượng công nghệ trong các ngành kinh tế chưa cao. Hàm lượng giá trị gia tăng, giá trị lan tỏa của các dự án đầu tư nước ngoài chưa cao khi tồn tại sự mất cân đối về ngành nghề. Trong giai đoạn đầu các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài thường tập trung vào các dự án thâm dụng nhiều lao động (do giá lao động thấp), sau đó chuyển sang các dự án sử dụng nguyên nhiên liệu giá rẻ hoặc thời gian gần đây có các dự án đầu tư để lắp ráp, hoàn thiện công đoạn cuối các sản phẩm.

- Việc chuyển giao và tiếp thu công nghệ từ các doanh nghiệp FDI đã được đặt ra từ nhiều năm nay nhưng kết quả rất hạn chế, không như mong đợi. Trong thời gian đầu của đầu tư nước ngoài, phần lớn các dự án theo hình thức công ty liên doanh, song dần theo thời gian, các dự án liên doanh giảm dần. Việc thu hút nhiều dự án theo hình thức đầu tư liên doanh giúp cho việc chuyển giao công nghệ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, tạo liên kết lan tỏa, tuân thủ pháp luật, giải quyết tranh chấp lao động sẽ thuận lợi hơn. Trong những năm gần đây, nhiều tập đoàn đa quốc gia, xuyên quốc gia đã có mặt tại Việt Nam. Đây là thời cơ rất thuận lợi để thực hiện mục tiêu phát triển công nghệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

3. Hàm ý chính sách nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh

3.1 Cải thiện chi phí gia nhập thị trường: Cải thiện chi phí gia nhập thị trường được xem là khâu

đột phá có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Do đó, tỉnh cần cụ thể hóa các quy định của nhà nước về thu hút đầu tư vào điều kiện cụ thể của địa phương, tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi, an toàn và tin cậy cho các nhà đầu tư. Để cải thiện chi phí gia nhập thị trường, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp như: Đơn giản hóa và công khai quy trình, thủ tục hành chính đối với việc cấp giấy chứng nhận dự án đầu tư nước ngoài; rà soát và cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính đồng bộ ở tất cả các khâu liên quan tới thu hút đầu tư, rút ngắn thời gian thẩm định, cấp giấy chứng nhận đầu tư; từng bước chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm; - Tư vấn, hỗ trợ, giải quyết dứt điểm và kịp thời các vấn đề vướng mắc trong quá trình cấp phép, điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư cho doanh nghiệp trước, trong và sau khi cấp giấy chứng nhận đầu tư, kể cả khi doanh nghiệp đã đi vào hoạt động; Nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức nhằm đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Luật Đầu tư và quy định mới về phân cấp quản lý đầu tư nước ngoài.

3.2 Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực:

Theo báo cáo về mức độ sẵn sàng cho nền sản xuất trong tương lai do Diễn đàn Kinh tế Thế giới mới đây công bố, Việt Nam thuộc nhóm các quốc gia chưa sẵn sàng cho cuộc CMCN 4.0, chỉ xếp thứ 70/100 về nguồn nhân lực và 81/100 về lao động có chuyên môn cao. Cũng theo báo cáo này, so sánh với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á về nguồn nhân lực, Việt Nam xếp sau Singapore, Malaysia, Thái Lan, Philipines. Đặc biệt, thách thức lớn nhất của vấn đề đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong thời kỳ này đó là tác động từ việc Việt Nam đã và đang ký kết, gia nhập nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương thế hệ mới, đòi hỏi nền kinh tế phải hội nhập sâu rộng vào kinh tế quốc tế, nếu không sẽ bị “thua trên sân nhà”.

Cần đổi mới hệ thống giáo dục nghề nghiệp theo hướng tăng cường tự chủ, nâng cao chất lượng đào tạo bám sát xu hướng của CMCN 4.0 gắn với đào tạo nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Xây dựng và đảm bảo nguồn lực để triển khai thực hiện các đề án đảm bảo nguồn lao động có tay nghề đáp ứng nhu cầu lao động chất lượng cao của doanh nghiệp. Qua đó, tăng cường tiếp xúc, lắng nghe và ghi nhận nhu cầu nhân lực của các hiệp hội ngành hàng, các hiệp hội doanh nghiệp của các quốc gia có nhiều doanh nghiệp đang đầu tư tại Bình Dương

như Hàn Quốc (Kocham), Đài Loan - Trung Quốc, Nhật Bản, EuroCham...

3.3. Thúc đẩy phát triển các yếu tố về kinh tế, thị trường

Ưu đãi đầu tư: Trong bối cảnh toàn cầu hoá, áp lực cạnh tranh ngày một gia tăng. Việc đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư nhằm mục đích chính là lợi nhuận, vì vậy ở đâu có điều kiện thuận lợi, hấp dẫn hơn, chi phí đầu tư và kinh doanh thấp hơn sẽ thu hút được nhiều vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài hơn. Chính vì thế, việc ban hành các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư là hết sức quan trọng và cần thiết:

- Ban hành các ưu đãi khuyến khích đầu tư đối với các dự án xây dựng các công trình phúc lợi (nhà ở, bệnh viện, trường học, văn hoá, thể thao) cho người lao động làm việc trong các khu công nghiệp, đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành.

- Có chính sách ưu đãi về đất đai, thuế,... đối với các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào các huyện phía Bắc của tỉnh để dần thu hẹp khoảng cách giữa các vùng trong việc thu hút đầu tư nước ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; ưu tiên các tập đoàn, doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào các ngành nghề có công nghệ sạch, kỹ thuật tiên tiến, ít thâm dụng lao động như điện - điện tử, cơ khí chính xác,...

- Xây dựng và ban hành cơ chế khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài nhà nước tham gia phát triển các công trình kết cấu hạ tầng trong đó có các công trình giao thông, thủy lợi,...

- Tập trung thu hút vốn đầu tư vào một số dự án thuộc lĩnh vực bưu chính - viễn thông và công nghệ thông tin, đặc biệt ở các huyện phía Bắc, để phát triển các dịch vụ mới và phát triển hạ tầng mạng.

Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư: Tiếp tục rà soát và cập nhật danh mục kêu gọi đầu tư phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và nhu cầu đầu tư phát triển của các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

4.3. Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại

- Tiến hành rà soát, điều chỉnh, phê duyệt và công bố rộng rãi các quy hoạch về giao thông, điện, cấp thoát nước, bưu chính viễn thông,... làm cơ sở thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Tăng cường công tác quy hoạch và thực thi quy hoạch.

- Tranh thủ tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt là nguồn vốn ngoài

ngân sách nhà nước; ưu tiên các lĩnh vực cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường (xử lý chất thải rắn, nước thải,...), hệ thống đường cao tốc, nâng cao chất lượng dịch vụ đường sắt tuyến qua Sóng Thần - Dĩ An.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng quan trọng: đường Vành đai 3, Vành đai 4, cao tốc Mỹ Phước - Tân Vạn - Bàu Bàng, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải cụm đô thị Nam Bình Dương, dự án cấp nước và vệ sinh đô thị Nam Thủ Dầu Một, dự án Khu liên hợp xử lý rác thải Nam Bình Dương,... để tạo điều kiện thu hút có hiệu quả các dự án đầu tư nước ngoài.

- Tập trung chỉ đạo, giải quyết tốt việc cung cấp điện, nước; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng thiếu điện, nước đối với các cơ sở sản xuất.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp như: hải quan, ngân hàng, an ninh trật tự, dịch vụ vận tải tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động của các doanh nghiệp nước ngoài.

- Giữ vững ổn định chính trị; đảm bảo an ninh, trật tự xã hội; xây dựng nền hành chính minh bạch, môi trường đầu tư thân thiện

4.4. Đẩy mạnh thu hút đầu tư FDI vào các ngành công nghiệp hỗ trợ

Tỉnh cần khẩn trương xây dựng chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển các ngành CNHT trên địa bàn tỉnh. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chúng ta cần phải có tư duy mới về chính sách phát triển ngành CNHT vì không có quốc gia nào tự sản xuất hoàn chỉnh sản phẩm một cách hiệu quả nhất. Thay vào đó, mỗi quốc gia là một mắt xích trong chuỗi sản phẩm và phân công lao động quốc tế. Do vậy, cần chọn những “đoạn”, “khâu” mà tỉnh có lợi thế so sánh để chú trọng phát triển, tránh đầu tư dàn trải, không hiệu quả. Trong quy hoạch phát triển các ngành CNHT cần chú trọng những tới những định hướng và yếu tố sau:

- Đầu tư phải gắn liền với quy hoạch sản xuất công nghiệp và tổ chức hệ thống thương mại. CNHT thường phát triển gần các nhà máy lắp ráp, các trung tâm công nghiệp, trung tâm đô thị, nơi có hệ thống hạ tầng tốt nhất và lực lượng lao động đòi hỏi tay nghề và trình độ cao. Vì vậy việc phát triển CNHT phải gắn liền với quy hoạch, không phá vỡ không gian kinh tế - xã hội của tỉnh là một trong những định hướng quan trọng.

- Chú trọng chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội của hoạt động đầu tư: Hiện nay, có một số dự

án FDI sản xuất sản phẩm công nghệ cao trên địa bàn tỉnh nhưng gần như không tạo ra giá trị gia tăng trong nội địa vì toàn bộ máy móc, nguyên vật liệu, công nghệ sản xuất đều được nhập khẩu và sản phẩm đầu ra đều được xuất khẩu 100%. Nói cách khác, đây là các dự án chế xuất, do đó lợi ích thu được cho tỉnh chỉ là giải quyết việc làm cho người lao động. Vì vậy, trong thời gian tới cần phát triển CNHT theo định hướng nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, sử dụng sản phẩm đầu vào trong nước, thay thế nhập khẩu. Điều này không những góp phần gia tăng tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm mà còn có tác động lan tỏa đến các doanh nghiệp CNHT trong nước khi trở thành nhà cung ứng cho các doanh nghiệp FDI này.

- Tăng cường việc chuyển giao công nghệ sản xuất, kinh nghiệm quản lý thông qua CNHT. Các dự án đầu tư của các tập đoàn nước ngoài lớn có tỷ lệ tham gia cung ứng đầu vào về linh kiện, vật liệu ngay trong nội địa cao, cũng như việc cung ứng sản phẩm cho chính thị trường nội địa gia tăng theo thời gian cần được ưu tiên và khuyến khích đầu tư. Điều này góp phần tạo ra chuỗi giá trị sản xuất trong thị trường nội địa, thúc đẩy đào tạo chuyển giao công nghệ sản xuất và kinh nghiệm quản lý từ doanh nghiệp FDI sang doanh nghiệp trong nước.

- Cập nhật thường xuyên xu hướng biến động của thị trường thế giới để dự báo nhu cầu về thành phẩm, nguyên liệu, linh kiện và phụ tùng của tỉnh, cả nước, khu vực và quốc tế.

- Thực hiện các biện pháp ưu đãi cho ngành CNHT: lộ trình giảm thuế quan đối với thành phẩm và bán thành phẩm trong nước sản xuất được; hỗ trợ huy động vốn, hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực, cung cấp thông tin công nghệ, tham gia triển lãm sản phẩm,...

Tài liệu tham khảo:

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (2017), Báo cáo tổng kết 30 năm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bình Dương, Bình Dương;

Luật Đầu tư (2014), Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Sở Công Thương tỉnh Bình Dương. Báo cáo: Quy hoạch công nghiệp Bình Dương giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2030, thực hiện tháng 9/2015.

Niên giám Thống kê tỉnh Bình Dương qua các năm.

Báo cáo Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI các năm.